

Số: /TB-TĐHHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**THÔNG BÁO XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT 2 NĂM 2021
THEO PHƯƠNG THỨC XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP BẬC THPT VÀ XÉT ĐẶC CÁCH
(THÔNG BÁO SỐ 1)**

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (DMT) thông báo xét tuyển Đại học chính quy năm 2021 đợt 2 theo phương thức xét kết quả học tập bậc THPT (Học bạ) và phương thức xét tuyển Đặc cách tại Trường, cụ thể như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trình độ trung cấp (trong đó, người tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (sau đây gọi chung là tốt nghiệp THPT).

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được cấp có thẩm quyền công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

2. Phạm vi tuyển sinh:

Tuyển sinh trong phạm vi toàn quốc.

3. Phương thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo kết quả Học bạ THPT (Kết quả học tập lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12);
- Xét tuyển đặc cách áp dụng đối với các thí sinh sau:
 - + Thí sinh tốt nghiệp tại các trường chuyên THPT.
 - + Thí sinh tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL IBT 64/120 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương do cơ quan quốc tế có thẩm quyền cấp còn thời hạn hiệu lực sử dụng tính đến thời điểm nộp hồ sơ ĐKXT.
 - + Thí sinh tốt nghiệp THPT và đạt học lực giỏi 3 năm: Lớp 10, 11, học kỳ 1 lớp 12.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Trụ sở chính tại Hà Nội: **1452** chỉ tiêu (*trong đó 85 chỉ tiêu xét tuyển đặc cách*)
- Phân hiệu tỉnh Thanh Hóa: **126** chỉ tiêu (*trong đó 14 chỉ tiêu xét tuyển đặc cách*)

Chỉ tiêu xét tuyển các ngành thuộc trụ sở chính (Học tại Hà Nội)

STT	Mã ngành	Ngành	Chỉ tiêu xét tuyển		Tổ hợp môn xét tuyển
			Học bạ THPT	Xét đặc cách	
1	7340301	Kế toán	165	4	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
2	7340101	Quản trị kinh doanh	30	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
3	7340116	Bất động sản	44	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	7340115	Marketing	45	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
5	7380101	Luật	66	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
6	7440298	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	18	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
7	7440221	Khí tượng và khí hậu học	18	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
8	7440224	Thủy văn học	18	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
9	7420203	Sinh học ứng dụng	23	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh
10	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	54	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
11	7480201	Công nghệ thông tin	158	4	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
12	7520501	Kỹ thuật địa chất	17	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh

13	7520503	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	28	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
14	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	44	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
15	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	58	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
16	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	155	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
17	7850102	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	22	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
18	7850199	Quản lý biển	18	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
19	7850103	Quản lý đất đai	145	4	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
20	7850198	Quản lý tài nguyên nước	18	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
21	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	79	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
22	7220201	Ngôn ngữ Anh (<i>Môn chính Tiếng Anh **</i>)	53	5	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
23	7810201	Quản trị khách sạn	91	5	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
Tổng chỉ tiêu			1367	85	

**** Điều kiện ĐKXT ngành Ngôn ngữ Anh: Điểm môn tiếng Anh là Trung bình cộng điểm lớp 11 và điểm HK1 lớp 12 tối thiểu ≥ 7.00 theo phương thức xét Học bạ THPT ****

Chỉ tiêu các ngành thuộc phân hiệu tỉnh Thanh Hóa (Học tại Thanh Hóa)

STT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển
			Học bạ THPT	Xét đặc cách	
1	7340301PH	Kế toán	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
2	7510406PH	Công nghệ kỹ thuật môi trường	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
3	7480201PH	Công nghệ thông tin	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	7520503PH	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
5	7810103PH	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
6	7850103PH	Quản lý đất đai	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
7	7850101PH	Quản lý tài nguyên và môi trường	16	2	A00: Toán, Vật lý, Hóa học B00: Toán, Hóa học, Sinh học D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
TỔNG			112	14	

Lưu ý: Thí sinh ĐKXT các mã ngành thuộc trụ sở chính (Hà Nội) sẽ học tại Hà Nội và các mã ngành thuộc phân hiệu Thanh Hóa sẽ học tại tỉnh Thanh Hóa.

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm trung bình cộng các đầu điểm gồm điểm TB năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12 theo tổ hợp môn ĐKXT được làm tròn đến hai chữ số thập phân không nhỏ hơn 18.00 điểm (*không cộng điểm ưu tiên, không nhân hệ số môn chính*). Đối với ngành ngôn ngữ Anh ngoài điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào ở trên, điểm xét môn tiếng Anh (Môn chính) là điểm trung bình cộng các đầu điểm kết quả học tập năm lớp 11; HK1 lớp 12 không nhỏ hơn 7.00/ thang điểm 10 (điểm tối thiểu $\geq 7.00/10$).

6. Tổ chức tuyển sinh**6.1. Nguyên tắc đăng ký xét tuyển****a) Đăng ký xét tuyển theo kết quả học tập THPT (Học bạ)**

- Thí sinh đã đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Đối với phương thức xét tuyển theo kết quả học bạ THPT,

thí sinh được xét tuyển bình đẳng, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký trừ trường hợp cuối danh sách nhiều thí sinh có tổng điểm xét tuyển bằng nhau thì điểm xét tuyển sẽ lấy từ cao xuống thấp theo điểm môn chính trong tổ hợp xét tuyển cho đến hết chỉ tiêu, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

- Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 là tổng điểm các bài thi/môn theo thang điểm 10 của tổ hợp môn xét tuyển tương ứng theo từng ngành đào tạo cộng với điểm ưu tiên (nếu có) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

- Trong một đợt xét tuyển, thí sinh chỉ được thay đổi điều chỉnh nguyện vọng một lần sau khi đã nộp hồ sơ ĐKXT trong thời gian được quy định của nhà trường.

- Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả Học bạ THPT:

Điểm xét tuyển được tính theo thang điểm 30 là tổng điểm trung bình cộng điểm các môn học thuộc tổ hợp môn xét tuyển theo kết quả học tập THPT (điểm TB cả năm lớp 11 và học kỳ 1 lớp 12) cộng với điểm ưu tiên theo khu vực ưu tiên và đối tượng ưu tiên tuyển sinh (nếu có). Công thức tính điểm xét tuyển như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTB xét tuyển Môn 1} + \text{ĐTB xét tuyển Môn 2} + \text{ĐTB xét tuyển Môn 3} + \text{ĐU'T}$$

Trong đó:

- ĐTB xét tuyển Môn 1/2/3 = (ĐTB môn cả năm lớp 11 + ĐTB môn kỳ 1 lớp 12)/2;

- ĐU'T = Điểm KVU'T + Điểm ĐTU'T (nếu có)

Ví dụ: Thí sinh B thuộc KV2-NT, không thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh. Đăng ký xét tuyển: Công nghệ kỹ thuật môi trường - khối A00 (Toán, Vật lý, Hóa học).

$$\text{ĐXT thí sinh B} = \text{ĐTB Toán} + \text{ĐTB Hóa} + \text{ĐTB Vật lý} + \text{Điểm KVU'T}$$

Môn	ĐTB cả năm lớp 11 (1)	ĐTB kỳ 1 lớp 12 (2)	ĐTB xét tuyển theo môn (3)	Điểm khu vực (4)	Điểm đối tượng UT (5)
Toán	7.8	7.9	(1)+(2) /2 = 7.85	0.5	0
Vật Lý	7,0	7.4	(1)+(2) /2 = 7.2		
Hóa học	8.0	7.9	(1)+(2) /2 = 7.95		
<p>Điểm xét tuyển = [Toán (3) + Lý (3) + Hóa (3)] + (4) + (5) = 23.5 <i>(Hoặc thí sinh có thể tính nhanh theo công thức: Cộng tất cả 06 đầu điểm ở cột (1) và (2) sau đó chia cho 2 và cộng với điểm ưu tiên ở cột (4) và cột (5) như sau:</i> ĐXT thí sinh B = (7.8 + 7.9 + 7.0 + 7.4 + 8.0 + 7.9)/2 + 0.5 = 23.5</p>					

b) Đăng ký xét tuyển Đặc cách

Nhà trường xét tuyển đặc cách đối với các thí sinh tốt nghiệp tại các Trường chuyên THPT **hoặc** đạt học lực giỏi 3 năm THPT gồm: Lớp 10, 11, học kỳ 1 lớp 12 **hoặc** có chứng chỉ Tiếng Anh TOEFL IBT 64/120 điểm hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương do cơ quan quốc tế có thẩm quyền cấp còn hiệu lực sử dụng tính tới thời điểm ĐKXT. Trường hợp số thí sinh ở cuối danh sách vượt chỉ tiêu, nhà trường xét từ cao xuống thấp theo điểm trung bình kết quả học tập các môn học ở học kỳ 1 lớp 12 trong Học bạ THPT. Trong đợt ĐKXT, thí sinh chỉ được thay đổi điều chỉnh nguyện vọng một lần sau khi đã nộp hồ sơ ĐKXT trong thời gian được quy định của nhà trường.

6.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Đối với thí sinh xét tuyển đặc cách:

- + 01 phiếu đăng ký xét tuyển đặc cách ghi rõ đợt xét tuyển, điền đầy đủ các thông tin xét tuyển theo yêu cầu trên phiếu và có chữ ký của thí sinh;
(Thí sinh tải mẫu đơn ĐKXT từ website: www.tuyensinh.hunre.edu.vn)
- + 01 phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh và phụ huynh để nhà trường gửi giấy báo kết quả thí sinh trúng tuyển;
- + 01 bản sao có công chứng học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;
- + 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2020 trở về trước) hoặc giấy Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021);
- + 01 bản sao có công chứng chứng chỉ tiếng Anh hoặc bản xác nhận của đơn vị cấp chứng chỉ còn giá trị hiệu lực đến thời điểm ĐKXT (đối với thí sinh xét tuyển đặc cách theo chứng chỉ tiếng Anh);
- + 01 bản sao thẻ căn cước hoặc chứng minh thư nhân dân;

- Đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả Học bạ THPT:

- + 01 phiếu ĐKXT có ghi rõ đợt xét tuyển, điền đầy đủ các thông tin xét tuyển theo yêu cầu trên phiếu và có chữ ký của thí sinh;
(Thí sinh tải mẫu đơn ĐKXT từ địa chỉ website: www.tuyensinh.hunre.edu.vn)
- + 01 phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh và phụ huynh để nhà trường gửi giấy báo kết quả thí sinh trúng tuyển;
- + 01 bản sao có công chứng học bạ THPT hoặc bản xác nhận kết quả, quá trình học tập có đủ thông tin để ĐKXT và dấu xác nhận của trường THPT theo học;
- + 01 bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2020 trở về trước) hoặc giấy Chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2021);
- + 01 bản sao thẻ căn cước hoặc chứng minh thư nhân dân;
- + Nếu thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh, cần nộp thêm bản sao công chứng các giấy tờ minh chứng để được hưởng chế độ ưu tiên;

6.3. Hình thức ĐKXT:

Do ảnh hưởng chung của dịch bệnh Covid nên nhà trường tạm ngừng thu nhận Hồ sơ ĐKXT trực tiếp tại trường (nếu thay đổi sẽ có thông báo sau). Thí sinh lựa chọn một trong hai hình thức ĐKXT như sau:

a) ĐKXT qua bưu điện: Tại các điểm bưu cục trên toàn quốc. Thí sinh hoàn thiện hồ sơ và gửi theo hình thức chuyển phát nhanh EMS hoặc chuyển phát bưu phẩm bảo đảm gửi về một trong các địa chỉ trên.

b) ĐKXT trực tuyến: Thí sinh nhập đầy đủ thông tin ĐKXT, gửi dữ liệu ảnh chụp minh chứng hồ sơ xét tuyển theo hướng dẫn tại cổng thông tin tuyển sinh có địa chỉ website: <http://tuyensinh.hunre.edu.vn>. Sau khi được công nhận trúng tuyển và làm thủ tục xác nhận nhập học, thí sinh nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ ĐKXT theo quy định để đối chiếu. Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin ĐKXT trong hồ sơ so với các thông

tin đã đăng ký, nhà trường sẽ từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin ĐKXT với hồ sơ gốc (nếu có).

6.4. Thời gian tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ ĐKXT Đợt 2: Từ ngày 26/5/2021 đến trước 17h00 ngày 02/8/2021.

- Thời gian điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT: Dự kiến từ ngày 15/7/2021 đến trước 17h00 20/7/2021.

- Thời gian xét tuyển và công bố kết quả trúng tuyển: Dự kiến ngày 06/8/2021.

- Thời gian xác nhận nhập học (thí sinh có thể đồng thời làm thủ tục nhập học): Dự kiến từ ngày 06/8/2021 đến trước 17h00 ngày 01/9/2021.

Lưu ý: Các mốc thời gian dự kiến có thể điều chỉnh thay đổi theo quy định của BGD&ĐT hoặc ảnh hưởng chung của dịch bệnh. Thí sinh liên tục theo dõi cập nhật thông tin tuyển sinh được nhà trường đăng tải sớm và chính xác nhất tại trang chủ của trường và cổng thông tin tuyển sinh có địa chỉ: www.hunre.edu.vn ; www.tuyensinh.hunre.edu.vn ;

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Nhà trường thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí ĐKXT và phương thức thanh toán

8.1. Lệ phí ĐKXT

Mức lệ phí ĐKXT: 30.000 đồng/hồ sơ (Ba mươi nghìn đồng/hồ sơ).

8.2. Phương thức thanh toán

- Đối với ĐKXT qua bưu điện, thí sinh nộp lệ phí kèm theo hồ sơ ĐKXT. Thí sinh không bỏ lệ phí ĐKXT vào phong bì hồ sơ ĐKXT, lệ phí ĐKXT được Bưu điện thu hộ. *(Nếu thiếu sẽ thu bổ sung sau khi trúng tuyển và xác nhận nhập học)*

- Đối với ĐKXT trực tuyến, thí sinh nộp lệ phí ĐKXT tại trường khi đủ điều kiện trúng tuyển và xác nhận nhập học.

Đường dây nóng tiếp nhận thông tin, tư vấn tuyển sinh của Trường: 0902130130 hoặc 0915826869, 0965200423 (Trụ sở chính); 0373406009; 0915926023 (Phân hiệu Thanh Hóa).

Thông tin tuyển sinh và tư vấn tuyển sinh, thí sinh xem chi tiết tại website: hunre.edu.vn; phanhieu.hunre.edu.vn; tuyensinh.hunre.edu.vn; trang Facebook chính thức: facebook.com/FanpageHunre.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Chủ tịch HĐT (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Phân hiệu Thanh Hóa;
- Website trường;
- Ban truyền thông và TVTS;
- Lưu VT, ĐT.ĐH. (3)

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Danh Tuyên